còn, vọng tâm không còn tức là niệm tưởng ba đời (1) phải tiêu vong, đó là chứng nghiệm cảnh giới nội tâm vô sở trụ tướng. Khi nội tâm đến cảnh giới nầy, thì lòng mình luôn luôn vẫn trong sạch (thanh tịnh) và vắng lặng (tịch diệt). Nếu nội tâm đã đạt được cảnh giới vắng lặng mà không biết soi chiếu (diệu dụng trí huệ) (2), thì trong kinh gọi là tịch mà không chiếu, đó là lạc vào cảnh giới tứ thiền diệt tận định của cõi trời phi tưởng phi phi tưởng, hoặc lạc vào cảnh giới Niết bàn tịch diệt của Tiểu thừa. Người tu hành lọt vào cảnh giới nầy, hạnh yếm-thế hay phát-hiện, ưa thích cảnh thanh vắng, không muốn chuyện trò tiếp khách, không muốn làm ăn sanh sống, chuyện nhà giao phó cho vợ con, cách xử thế tiếp vật càng ngày càng lạnh lùng, thành ra sống một đời lặng lẽ ích kỷ. Thiệt trạng nầy tuy người tu Đại thừa không ưa thích, nhưng nếu chẳng gặp người mở nẻo, thì không thế nào tránh khỏi «lâm vào hành vi tu chứng của Tiểu-thừa».

Người tu hành đến trình độ nầy có hai cách để ngăn ngừa, không lạc vào cảnh giới của Nhị thừa đã nói trên. Một là áp dụng chơn lý viên dung bình đẳng vào đời sống thật tế. Chơn lý nầy cho ta biết rằng : Còn chấp «tịnh» tức là lòng còn «động», còn an trụ vào cái «không» tức là còn mắc kẹt trong cái «sắc» v. v... Nghĩa là còn ở trong vòng tương đối của phàm phu, chưa phải siêu việt trên mọi hành tướng đối đãi của thế pháp. — Hai là nhập thế, đi sát với nhơn loại quần sanh, ra tay dìu-dắt tế độ người đời thoát dòng sông mê bể khổ. Phải hoà quang hồn tục, xử thế tiếp vật bằng cách tùy duyên mà không mê nhiễm.

Nếu dùng hai cách trên đây thì trí huệ của mình chẳng phải để giác ngộ (tỉnh thức lấy mình) mà là để làm việc lợi lạc cho chúng sanh, đó là tịch mà chiếu, mà cũng là chỗ an trụ (3) của bực Đại thừa.

319. **V.** Thế nào gọi là sắc không của Đại-thừa ?

Đ. Chơn-lý sắc không của Đại-thừa khó hiểu hơn hết. Nếu tỏ ngộ rốt ráo cái chơn lý nầy, gọi là hoàn toàn minh tâm kiến tánh.

Chúng tôi đã nói cái «sắc» đối với cái «không» cũng như cái «hữu» đối với cái «vô» là chơn-lý của Tiểu-thừa. Trái với cái nghĩa nầy, cái sắc tức là cái không ; cái không tức là cái sắc. Cái sắc chẳng khác gì cái không ; cái không chẳng khác gì cái sắc, đó là chơn-lý viên-dung bình-đẳng của Đại-thừa. Nên biết rằng : cái không của Đại-thừa là «chơn không bất không»

(1) Hiện tại, vị lai, quá khứ.

(2) Trí huệ của bực nầy dùng để tùy duyên, hoặc lập nhiều phương tiện độ sanh, chớ chẳng phải trí huệ dùng để tu tập.

(3) An trụ mà không an trụ.

hay là «chơn không diệu hữu». Cái không nầy chẳng phải không có gì hết, chẳng phải trống rỗng, chẳng phải vô hình vô tướng, cũng chẳng phải tiêu diệt cái hữu hình hữu tướng thành ra vô hình vô tướng. Vì lẽ ấy, khi xem kinh thấy danh từ «chơn không», thì mình phải biết đó là «diệu-hữu». Còn như nói «diệu hữu», đó là chỉ cái «chơn không». Cũng có khi trong kinh nói «tức sắc», thì mình hiểu đó là nói cái «chơn không». Còn như nói «tức không», thì mình phải biết đó là «diệu hữu».

Chúng ta nên hiểu sắc không của Đại thừa như thế nầy mới rộng nghĩa : Đương sắc tức không, đương không tức sắc (đương có mà không, đương không mà có). Trong Trung Luận có giải thích sắc không của Đại-thừa như thế nầy :

1.— Nhơn duyên sở sanh pháp,
2.— Ngã thuyết tức thị không. (chơn không)
3.— Diệc danh thị giả danh,
4.— Diệc danh Trung đạo nghĩa.

Câu thứ nhứt nói : các sắc pháp do nhơn duyên hội hiệp mà sanh ra. — Câu thứ nhì cho ta biết rằng : Các sắc pháp ấy là chơn không. Đã là chơn không, thì dù sắc dù không, cũng đều là giả danh, cũng đều là cái nghĩa của Trung-đạo, đó là hai câu thứ ba và thứ tư.

Tóm lại, đối với chơn-lý sắc không của Đại-thừa, dù nói có dù nói không, đều chẳng trúng nghĩa. Thế mới biết : chơn lý của Đại-thừa là phủ nhận cái có với cái không của phàm phu (gồm Nhị thừa), phủ nhận cái huyễn sắc huyễn không của Sai biệt trí Bồ-tát. Hơn nữa, nói chẳng có chẳng không ; chẳng phải chẳng có, chẳng phải chẳng không ; hoặc nói cũng có cũng không ; chẳng phải cũng có, chẳng phải cũng không, đều là sai với cái chơn-lý viên-dung bình-đẳng tức sắc tức không của Đại thừa vậy.

320. **V.** Chơn-lý của Đại-thừa khó hiểu quá, có thể dùng khoa-học thí dụ cho dễ hiểu chăng ?

Đ. Có hai cái thí dụ : một là dùng phép phân tích, hai là dùng tia sáng quang phổ (spectre). Về sự phân tích, chúng tôi xin đem cái bàn viết ra phân tích thêm một từng nữa :

Đối với cái bàn viết. Sai biệt trí Bồ-tát chỉ phân tích những món hội hiệp về phần thô, tức là phần hữu vi, còn phần vô vi thì không thấy. Ở đây Đại-thừa phân tích cho chúng ta thấy xa hơn : cho ta thấy cái nguyên động lực phát sanh ra vật chất, tức là phần tinh hoa cốt tủy của vạn hữu. Đối với cái bàn, nếu phân tích tới chỗ cực vi, thì không có cái gì đáng gọi là cái bàn, nó chỉ là một mớ nguyên tử quay cuồng không ngừng nghỉ mà thôi. Thế, có phải đúng với lời nói : đương sắc tức không chăng ? (đương có mà không).

Tại sao đương có mà không ? Bởi vì theo con mắt thịt mà nói, thì còn sờ sờ đó, cộp rờ đụng được, nghĩa là còn có chỗ